

Số : 01/NQ-ĐHĐCĐ

Hà nội, ngày 08 tháng 4 năm 2015

## **NGHỊ QUYẾT**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2015 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN LÂN NUNG CHẤY VĂN ĐIỂN**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 08/4/2015;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08 tháng 4 năm 2015 của Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điển.

## **QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1:**

1. Thông qua Báo của Hội đồng quản trị.
2. Thông qua Báo cáo của Bản kiểm soát.
3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam AVA (nội dung chi tiết được đăng tải trên Website của Công ty: vandienfmp.vn-quan hệ cổ đông) với các chỉ tiêu chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014
1	Tổng tài sản	đ	703.537.161.219
2	Vốn chủ sở hữu	đ	456.821.034.259
3	Doanh thu thuần	đ	929.121.659.655
4	Lợi nhuận sau thuế	đ	85.210.833.676
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/cổ phiếu	2.941

4. Thông qua tờ trình số 20/TTr-HĐQT ngày 24/3/2015 của Hội đồng quản trị về Phương án phân chia lợi nhuận và cổ tức năm 2014 với nội dung như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Vốn điều lệ		289.734.570.000
	- Vốn nhà nước		194.283.750.000
	- Vốn của các cổ đông khác		95.450.820.000
2	Tổng lợi nhuận		113.469.639.542

	- Lợi nhuận thực hiện trong năm		109.244.658.559
	- Lợi nhuận bổ xung theo biên bản kiểm toán NN BCTC 2013		4.224.980.983
3	Thuế thu nhập doanh		24.071.030.754
	- Thuế TNDN hiện hành		23.014.785.508
	- Thuế theo biên bản kiểm toán NN KT BCTC 2013		1.056.245.246
5	Lợi nhuận sau thuế		89.398.608.788
6	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang năm nay		10.834.277.971
7	Tổng lợi nhuận sau thuế phân phối năm nay		88.800.867.500
7,1	Trích quỹ dự phòng tài chính	5%	4.469.900.000
7,2	Trích quỹ đầu tư phát triển	30%	26.819.582.000
7,3	Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	4.469.900.000
7,4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	8.939.800.000
7,5	Chia cổ tức/ vốn điều lệ (15%/vốn điều lệ)	15%	43.460.185.500
	- Cổ tức trả bằng tiền (15%/vốn điều lệ)	15%	43.460.185.500
7,6	Phân phối khác		641.500.000
	- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành		500.000.000
	- Thù lao cho thành viên HĐQT ko trực tiếp tham gia điều hành		141.500.000
8	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay chuyển sang năm sau		11.432.019.259

Ghi chú: Chỉ tiêu từ 7.1 - 7.4 tính tỷ lệ % trên lợi nhuận sau thuế.

Quỹ đầu tư phát triển trích 30%/ lợi nhuận sau thuế để Công ty triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà máy mới tại Thanh Hóa.

5. Thông qua Tờ trình số 21/TTr-HĐQT ngày 24/3/2015 của Hội đồng quản trị về Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 với các chỉ tiêu chính như sau:
- Doanh thu: 999,46 tỷ.đ
  - Lợi nhuận trước thuế: 80 tỷ.đ
  - Mức chia cổ tức bằng tiền: 10% /mệnh giá

6. Phê duyệt danh sách các đơn vị kiểm toán để lựa chọn kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2015, gồm có:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA);
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong ba đơn vị kiểm toán nêu trên để kiểm toán báo cáo tài chính Công ty năm 2015.

7. Thông qua Tờ trình số 26/TTr-HĐQT ngày 27/3/2015 của Hội đồng quản trị về số lượng cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với nội dung chính như sau:

Niêm yết toàn bộ số cổ phiếu của Công ty là 28.973.457 cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

8. Thông qua Tờ trình số 22/TTr-HĐQT ngày 24/3/2015 của Hội đồng quản trị về việc chi trả tiền thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2014 và kế hoạch chi trả năm 2015 với các nội dung chính như sau:

a. Thông qua tiền thù lao đã chi trả thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2014: 471.500.000 đ (bốn trăm bảy mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng).

b. Kế hoạch chi trả tiền thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2015:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 6.000.000 đ/tháng
- Các thành viên Hội đồng quản trị : 5.000.000 đ/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 5.000.000 đ/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty : 4.000.000 đ/người/tháng

**Điều 2.** Thông qua Tờ trình số 24/TTr-HĐQT ngày 24/3/2015 của Hội đồng quản trị về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điền tại Bim Sơn, Thanh Hóa:

I. Các nội dung chính của Dự án đầu tư xây dựng "Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và Phân bón NPK Văn Điền" tại Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn - Thanh Hóa:

1.1. Tên Dự án: Nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy và phân bón NPK Văn Điền.

1.2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần Phân lân nung chảy Văn Điền.

1.3. Tổ chức tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi của Dự án: Công ty cổ phần Thiết kế công nghiệp Hóa chất.

1.4. Chủ nhiệm Dự án: Ông Nguyễn Ngọc Giang.

1.5. Tổ chức tư vấn khảo sát: Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Mỏ

1.6. Mục tiêu đầu tư: Phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp di dời nhà máy cũ.

1.7. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng:

a. Quy mô xây dựng:

Nhà máy được xây dựng trên khu đất có diện tích 227.020 m<sup>2</sup> bao gồm các Lô đất CN16, CN18 và một phần CN15 thuộc khu B- khu Công nghiệp Bim Sơn Thanh Hóa gồm 3 giai đoạn đầu tư:

- Giai đoạn 1: Xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm;
- Giai đoạn 2: Xây dựng nhà máy sản xuất NPK công suất 200.000 tấn/năm;
- Giai đoạn 3: Mở rộng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy nâng công suất lên 500.000 tấn/năm.

b. Các hạng mục công trình xây dựng chủ yếu gồm:

TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
1	Nhà đập thô	250	27	Trạm cân 150T - Trục cân	169

TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )	TT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (m <sup>2</sup> )
2	Nhà cầu băng tải số 1	157,08	28	Nhà bảo vệ	2x14,85 & 14,85
3	Cụm sàng rửa	80	29	Gara ô tô, xe đạp, xe máy	1152
4	Nhà cầu băng tải số 2	308,4	30	Cổng chính	Rộng 8m
5	Bunke chứa liệu, HT cân định lượng	270 + 513 & 486	31	Cổng phụ	Rộng 6m
6	Nhà lò cao	132,25	32	Bãi chứa nguyên liệu	20490
7	Bể tôi & kho chứa bán thành phẩm	2x1080 & 1080	33	Bãi chứa quặng mịn khô	4670
8	Nhà sấy nghiền	2052 & 1080	34	Kho nguyên liệu sản xuất NPK	4320
9	Trạm bơm nước thô	25	35	Xưởng sản xuất NPK	8280
10	Kho silô và nhà đóng bao sản phẩm	540 & 320	36	Kho sản phẩm NPK	4608
11	Nhà lò nung gió	3x315 & 2x315	37	Bãi chứa quặng mịn ướt	730
12	Nhà quạt cao áp	54+108 & 108	38	Nhà tắm công nhân	160
13	Bể nước hấp thụ	900 & 452,4	39	Kho vật tư	1242
14	Khu chuẩn bị sửa vôi	80	40	Xưởng sửa chữa ô tô	864
15	Hệ thống bể lắng nước tôi bán thành phẩm	1881,6	41	Kho xăng dầu	360
16	Bể nước nóng, tháp giải nhiệt và trạm bơm nước tuần hoàn	535,8 & 144,74	42	Bãi đỗ và rửa xe ô tô	765
17	Bể nước rửa quặng	224	43	Bãi chứa quặng bánh	4008
18	Nhà đóng bánh quặng	288 & 288	44	Bãi xuất sản phẩm ra tàu	5250
19	Bãi chứa BTP lân nung chảy	16473	45	Nhà điều hành các phân xưởng	185,76
20	Kho chứa bao lân nung chảy	Đầu tư	46	Trạm xử lý nước cấp	2612,2
21	Nhà cơ khí	1080	47	Trạm xử lý nước thải sinh hoạt	8,35 x 18,95
22	Trạm biến áp I	180	48	Trạm bơm nước giếng khoan	-
23	Trạm biến áp II	126	49	Hồ đệm	1630
24	Trạm biến áp III	126	50	Đường sắt vào nhà máy	-
25	Nhà hành chính	552	51	Nhà đặt máy phát diezen	2x30
26	Nhà ăn ca	675	52	Tường rào	

c. Công suất nhà máy và mục tiêu chất lượng sản phẩm:

- Sản phẩm phân lân nung chảy: 500.000 tấn/năm.

Khi nhà máy đi vào hoạt động, theo yêu cầu của thị trường có thể sản xuất ra nhiều chủng loại sản phẩm với chất lượng, quy cách khác nhau để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm đạt chất lượng theo TCVN và tiêu chuẩn cơ sở, đảm bảo hàm lượng  $P_2O_5$  hữu hiệu  $\geq 15\%$ .

Loại sản phẩm dạng bột mịn Dự án chọn để tính toán, có các chỉ tiêu chất lượng cụ thể như sau:

+ Hàm lượng  $P_2O_5$  hữu hiệu  $\geq 15\%$ .

+ Dạng bột: cỡ hạt  $\leq 0,25\text{mm}$  (chiếm trên 80%)

+ Độ ẩm  $\leq 1\%$

- Sản phẩm phân bón NPK: 200.000 tấn/năm.

Gồm nhiều chủng loại sản phẩm, phụ thuộc nhu cầu của thị trường, đạt chất lượng theo tiêu cơ sở, đảm bảo tổng hàm lượng dinh dưỡng  $N + P_2O_5 + K_2O \geq 18\%$ .

Các loại NPK 16-16-8 và 5-10-3 Dự án chọn để tính toán có chỉ tiêu chất lượng cụ thể như sau:

+ Đối với loại NPK 16-16-8:

\* Tỷ lệ dinh dưỡng  $N + P_2O_5 + K_2O$  tương ứng: 16-16-8

\* Cỡ hạt: 2÷4 mm ( $\geq 85\%$ )

\* Độ ẩm:  $\leq 4\%$

+ Đối với loại NPK 5-10-3:

\* Tỷ lệ dinh dưỡng  $N + P_2O_5 + K_2O$  tương ứng: 5-10-3

\* Cỡ hạt: 2÷5 mm ( $\geq 85\%$ )

\* Độ ẩm:  $\leq 5\%$

1.8. Địa điểm xây dựng: Khu B - Khu công nghiệp Bim Sơn - Thanh Hóa.

1.9. Diện tích sử dụng đất:

- Diện tích khu đất: 246.070 m<sup>2</sup>.

- Trừ diện tích núi đá trong khu đất: 19.050 m<sup>2</sup>.

- Diện tích đất thuê: 227.020 m<sup>2</sup>.

1.10. Phương án xây dựng: Theo quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và quy chuẩn Quốc tế liên quan.

1.11. Loại cấp công trình: Cấp II.

1.12. Thiết bị công nghệ:

a. Thiết bị: Hệ thống thiết bị chủ yếu chế tạo tại Việt Nam, trừ một số thiết bị lẻ yêu cầu kỹ thuật cao phải nhập ngoại; tận dụng tối đa các thiết bị của nhà máy cũ có thể sử dụng phù hợp với dây chuyền sản xuất mới.

b. Công nghệ:

- Công nghệ sản xuất Phân lân nung chảy: Phương pháp công nghệ lò cao sử dụng gió nóng dựa trên các bí quyết công nghệ, thiết bị của Công ty đã được Nhà nước bảo hộ độc quyền sáng chế và độc quyền giải pháp hữu ích mà Công ty đang sở hữu; có sự cải tiến nâng cao ở khâu xử lý khí thải: Chuyển việc đốt CO lên trước việc xử lý khí thải so với dây chuyền cũ; nghĩa là khí lò từ Lò cao ra sau khi tách bụi sẽ được dẫn thẳng ra lò đốt CO dùng để sấy nóng không khí lên  $\geq 300$  độ C trước khi vào Lò Cao, nhiệt thừa của khí nóng được dẫn tiếp sang máy sấy thùng quay để sấy bán thành phẩm (BTP) rồi mới qua hệ thống xử lý khí trước khi thải ra môi trường.

- Công nghệ sản xuất NPK: Sử dụng 1 dây chuyền công nghệ vôi viên hơi nước thùng quay và 01 dây chuyền vôi viên đĩa quay

1.13. Tổng mức đầu tư: 1.291.619.455.265 đồng:

TT	Tổng mức đầu tư	Tổng số (đ)
	Tổng mức đầu tư <i>Trong đó :</i>	1.291.619.455.265
1	Chi phí xây dựng	571.668.251.614
2	Chi phí thiết bị	360.719.178.841
2.1	Tài sản cũ	4.499.719.059
2.1	Thiết bị mới	356.219.459.782
3	Chi phí thuê đất	83.125.643.200
4	Chi phí quản lý dự án	10.755.089.866
5	Chi phí tư vấn ĐTXD	25.649.176.485
6	Chi phí khác	58.185.507.222
7	Chi phí dự phòng	181.516.608.037

1.14. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn Công ty: 30%, tương ứng 370.632.592.850 đồng.
- Vay thương mại: 70%, tương ứng 916.487.143.356 đồng.

1.15. Hình thức quản lý dự án: Thuê tư vấn quản lý dự án. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục nghiên cứu để lựa chọn các hình thức quản lý dự án khác thuận lợi cho Công ty và phù hợp với các văn bản hướng dẫn của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng.

1.16. Thời gian thực hiện dự án gồm 3 giai đoạn:

- Giai đoạn 1: Quý II/2015 đến quý IV/2016 - Xây dựng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy công suất 300.000 tấn/năm;

- Giai đoạn 2 : Quý IV/2016 đến quý III/2017 - Xây dựng nhà máy sản xuất NPK công suất 200.000 tấn/năm;

- Giai đoạn 3: Quý II/2017 đến quý II/2018 - Mở rộng nhà máy sản xuất Phân lân nung chảy nâng công suất lên 500.000 tấn/năm.

1.17. Các nội dung khác: Trên cơ sở kế hoạch thực hiện đầu tư và tiến độ thực hiện của từng giai đoạn, thực hiện đầu tư theo hình thức cuốn chiếu để ổn định sản xuất của nhà máy cũ và mới, nhanh chóng phát huy hiệu quả đầu tư. Trong quá trình thực hiện đầu tư tận dụng tối đa các thiết bị của nhà máy cũ chuyển sang nhà máy mới, xem xét triển khai và tự thực hiện một số hạng mục công việc phù hợp với điều kiện thực tế.

II. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và giao cho Hội đồng quản trị thực hiện chức năng chủ đầu tư của Dự án.

**Điều 3.** Thông qua Tờ trình số 27/TTr-HĐQT ngày 27/3/2015 của Hội đồng quản trị về việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty.

Giao Hội đồng quản trị bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty theo nội dung đã được thông qua tại Đại hội.

**Điều 4.** Thông qua báo cáo về thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị và thông qua danh sách đề cử để bầu mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010-2014:

STT	Họ và tên
1	Ông Lâm Thái Dương
2	Bà Cán Thị Thu Hà

**Điều 5.** Danh sách trúng cử bầu mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010-2014:

- Ông Lâm Thái Dương - Thành viên Hội đồng quản trị
- Bà Cán Thị Thu Hà - Thành viên Hội đồng quản trị

**Điều 6.** Thông qua danh sách đề cử, ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020:

a. Danh sách đề cử, ứng cử để bầu thành viên Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên
1	Ông Lâm Thái Dương
2	Bà Cán Thị Thu Hà
3	Ông Hoàng Văn Tại
4	Bà Nguyễn Thu Hằng
5	Ông Nguyễn Ngọc Thạch

33-C  
CHẤY  
N  
HÀ NỘI

*cyg*

b. Danh sách đề cử, ứng cử để bầu thành viên Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên
1	Ông Trần Quốc Cương
2	Ông Hồ Sỹ Tiến
3	Bà Nguyễn Hồng Hải

**Điều 7.** Danh sách trúng cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020:

a. Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên
1	Ông Lâm Thái Dương
2	Bà Cán Thị Thu Hà
3	Ông Hoàng Văn Tại
4	Bà Nguyễn Thu Hằng
5	Ông Nguyễn Ngọc Thạch

b. Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên
1	Ông Trần Quốc Cương
2	Ông Hồ Sỹ Tiến
3	Bà Nguyễn Hồng Hải

**Điều 7:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện.

**Nơi gửi:**

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK HCM;
- Cổ đông;
- Thành viên HĐQT;
- Thành viên BKS;
- Ban Tổng giám đốc;
- Người được UQCBTT;
- Lưu Thư ký, VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2015



CHỦ TỌA ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT

Lâm Thái Dương